

Mật Tạng Bộ 1 _ No. 874 (Tr. 310 _ Tr. 317)

KIM CƯƠNG ĐỈNH
NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG ĐẠI GIÁO VƯƠNG KINH
QUYỀN THƯỢNG

Hán dịch: Đồi Đường, Đặc Tiên Thích Hồng Lô Khanh, Tam Tạng Sa Môn BÁT KHÔNG Phụng chiếu dịch.

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và việt dịch : HUYỀN THANH.

THÂM DIỆU BÍ MẬT KIM CƯƠNG GIỚI TAM MUỘI GIA
TU TẬP DU GIÀ NGHI (Thứ Nhất)

_Cúi lạy **Bạc Già Phạm** (Bhagavān)
Đại Tỳ Lô Giá Na (Mahā-vairocana)
Hay vì **Tự Tại Vương** (Īśvara-rāja)
Diễn nói **Kim cang Giới** (Vajra-dhātu)
Pháp Công Đức vô biên,
Ba mươi bảy **Trí Thân** (Jñāna-kāya).
Nay con quy mệnh lễ

_Du già Đại Giáo Vương,
Mở diễn một **Phật Thừa** (Buddha-yāna)
Ba Mật Tạng (của) **Như Lai** (Tathāgata)
Là **Thừa** (Yāna) không thể sánh
Tối thượng tối đệ nhất
Chỉ **Phật Bất Cộng Trí** (Buddha-āveṇika-jñāna: Trí chẳng chung cùng của Phật)
Tương ứng thành Phật Môn.
Vi khiến kẻ ngộ nhập
Viên thành **Pháp Thân** (Dharma-kāya) tịnh
Bạc Già Phạm ba đời
Đều y Pháp này thành
Vi thế các Như Lai
Kính lễ **Pháp Như Lý** (Yathrātha-dharma)

_Nếu người tu Pháp này
Khéo trụ địa vị **Thầy**
Đủ **Tộc Tính** (Kula) Tướng tốt
Tâm điều nhu (mềm dịu khéo dạy) ngay thẳng
Thường dùng **Giới** (Śīla) nghiêm thân
Thanh tịnh (Pariśuddha), không sợ hãi
Nơi **Thừa Bí Mật** (Guhya-yāna) này
Quyết định tin hiểu sâu.
Nghĩa: **Không** (Śūnya), **Hữu** (Bhava), **Tính** (Prakṛti), **Tướng** (Lakṣaṇa)
Tùy Hóa Đạo nên biết
Trụ phương tiện **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa)
Dẫn tiếp các Quân Phẩm

Hay khiến kẻ dựa nương
Được ngay Như Lai vị (địa vị của Như Lai)

_Đã vào **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu)
Đại Đàn Trường (Mahā-maṇḍala) của Phật
Sinh tại nhà Như Lai
Nhận **Quán Đỉnh Pháp Vương** (Abhiṣeka-dharma-rāja)
Chiêm lễ nơi Thánh Hội.
Chẳng bỏ **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)
Cung kính **A Xà Lê** (Ācārye)
Ngang bằng tất cả Phật
Bao nhiêu lời Giáo Hội
Đều nên phụng hành hết

_ Ở các nơi Đồng Học
Chẳng sinh Tâm giận ghét
Kính như **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi)
Cho đến các **Hàm Thức** (Satva)
Cũng chẳng nên khinh não
Các hàng **Trời** (Deva), **Thần** (Devatā), **Tiên** (Ṛṣī)
Đều chẳng nên lễ phụng
Đừng hủy báng, khinh miệt.
Nhìn thấy các Pháp Cụ
Chẳng cỡi lên, đùa nghịch
Vì trong Đại Trường này
Chư Thánh đã cầm giữ

_ Gắn gũi theo Đạo Sư (A Xà lê).
Được truyền dạy **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka)
Hiểu rõ **Tam Ma Gia** (Samaya: Bản thể)
Các **đạo Chính Biến Tri** (Samyaksambuddha-mārga)
Thông minh, **giáo** (śāstra) : rộng, lược
Thân, Ngũ, Tâm **Du Già** (Yoga)
Khéo giải **Man Đa La** (Maṇḍala)
Hiểu nghĩa thật **Chân Ngôn** (Mantra)
A Xà Lê như vậy.
Chư Phật đã khen ngợi
Ngang bằng **Bạc Già Phạm**
Đại Tỳ Lô Giá Na (Bhagavān-mahā-vairocana)
Tức là các **Như Lai** (Tathāgata)
Kim Cương (Vajra-satva), **Liên Hoa Thủ** (Padma-pāṇi)
Hư Không (Ākāśa-garbha), **Xảo Nghiệp Tôn** (Viśva-karma-nātha).
Cho nên thủ hộ chắc
Bản Tôn Tam Muội Gia
Vượt hơn thân mệnh nhiều.

_ Thường tu Nghi Thức ngoài
Tắm, giặt, nhâm Xi Mộc.
Ăn Đậu Khâu, xoa Hương (Gandha:Đồ Hương)

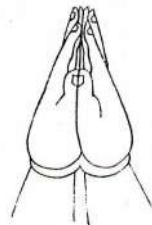
Khiến thân, miệng thơm sạch.
Chẳng nên ăn Huân tạp
Rượu, thịt, các tàn xúc.
Ăn uống lìa các lỗi
_ Chẳng nên cùng người khác
Ngồi nằm chung một giường.
Thường Khiết thân (thân tinh khiết), áo sạch .
Khiến trong ngoài không dơ.
Chẳng để móng tay dài
Ở bản là nghịch Giáo
_ Bên trong là **sáu căn** (Saḍ-āyatana)
Dùng **ba Mật** (tri-guhya) tịnh trừ
Ngoài: là các Nghi Tắc
Pháp (Dharma), **nước thơm** (Argha), **quán đĩnh** (Abhiṣeka)
Hoặc **ngoại duyên** chẳng đủ
Liên dùng Pháp Tĩnh Trừ
Lý Thú (Nāya) này tối thắng
Nên quán niệm chữ **Lam** (ീ – RAM)
Tĩnh trừ dơ trong ngoài
Chẳng tắm thành tắm gội
Rửa sạch ngang **Hư Không** (Gagana)
Không dơ như **Pháp Giới** (Dharma-dhātu)
Lý, Sự đều tương ứng
Nư Lai rất khen ngợi
Sơ (ban đầu) khởi **Kim Cương Định** (Vajra-samādhi)
Hiểu (Giác) khắp các Quần Phẩm
Đi tức Như Lai đi
Ngồi tức Như Lai ngồi
Các Nhập, không ngôn thuyết
Một **Âm** (Ghoṣa) tràn Pháp Giới
Lợi lạc hết không sót
Thế Gian: Khí, Hữu Tình (2 loại Thế Gian)
Nghiêm tịnh **cõi Như Lai** (Tathāgata-kṣetra)

_ Nếu Ta, Người (Tự Tha) dựng lập
Thắng Đại Mạn Noa La
Chọn đất kết Đàn Trường
Nư Kinh đã diễn nói
Trên bày lọng Trời đẹp
Chung quanh đều treo phan
Chuỗi ngọc, chuông, vật đeo...
Xen kẽ rữ cúng dường.
Bày vị trí các Tôn.
Rải hoa mùa trang nghiêm.
Hiền Bình (Pūrṇa-ghaṭa), nước **Át Già** (Argha)
Hương đốt, hoa, hương xoa
Đèn sáng, thức ăn uống
Đầy vật: vàng, bạc, báu
Lại dùng nhóm **Tịnh Phạm**.

Chân Ngôn, rải nước thơm.
Lại dùng hương đốt xông.
Bày biện bốn bên Đàn
Thành tâm làm **cúng dường** (Pūja).

__Người tu hành Du Già
Mỗi khi vào **Đàn Trường** (Maṇḍala)
Quán Thân như **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra)
Chân đạp lên hoa sen.
Đến nơi cửa Tinh Thất
Đóng cửa xung chữ **Hồng** (HŪṢ)
Trộn mắt (Nộ mục) trừ bất tường.
Túc năm thề sát đất.
Kính lễ chân **Thế Tôn** (Bhagavān).
Vói **Pháp Nhất Thừa** (Eka-yāna-dharma), **Tăng** (Saṃgha)

__Quý thẳng lưng, chấp tay.
Vận Tâm đối chúng Thánh
Khuyến Thịnh, Nguyện, Hồi Hướng
Bạc đủ Pháp, nên vào
Kim Cương Tam ma địa (Vajra-samādhi)
Chữ **LAM** (࿀ _RAM) phát **lửa Trí** (Agni-jñāna)
Đốt trừ **Nhân** (Hetu) hư vọng
Tình, Khí ngang hư không
Đều **Như Lý** tác ý
Tâm như **Lý**, thành tựu
Đấy gọi là **Pháp Tính** (Dharmatā)
Pháp an trụ Pháp Vị
Đấy gọi là **Pháp Giới** (Dharma-dhātu)
Lại thêm Thân, Khẩu, Tâm
Thành ba Thân ba Mật.
__Chân Ngôn Hạnh Bồ Tát
Cần phải khéo tu tập
Xoa dầu thơm khắp tay
Lại dùng hương đốt xông
Kết **Tịnh Khí Thế Gian**
Tịch Quang Hoa Tạng Ấn.
Liên dùng tay Định Tuệ (2 bàn tay)



Quán niệm Pháp **Ly Trần** (lìa bụi dơ)
Chân Ngôn xung như vậy:
“Án, lá nho ba nga đất tát phộc đạt ma”
ॐ ࿀ ࿊ ࿀ ࿆ ࿀ ࿆ ࿀ ࿆ ࿀ ࿆ ࿀ ࿆
OM – RĀJA-UPAGATAḤ SARVA-DHARMA

Tiếp nên tịnh ba nghiệp
Quán Thân vốn trong sạch



Tụng Chân Ngôn Minh này
Được ba nghiệp đều sạch.

Tịnh Thân Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc bà phộc, truat đà, tát phộc đạt ma, tát phộc bà phộc, truat độ Hám**”

ॐ स्र्भवा सुद्ध स्र्भवा सुद्ध सुद्ध

OM– SVABHĀVA ŚUDDHA – SARVA DHARMA SVABHĀVA
ŚUDDHA-UHĀM

Do Chân Ngôn này nên
Thân ấy thành Pháp Khí

Nơi Hư Không, quán Phật
Tràn đầy như hạt mè



Liên tụng **Biên Chiếu Minh**.

Thấy chư Phật rõ ràng

Quán Phật Chân Ngôn là:

“**Khiêm, phộc nhật la đà đồ**”

ॐ वज्रधतु

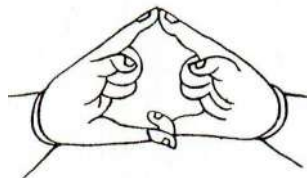
KHAM– VAJRA-DHĀTU.

Cảnh giác các Như Lai

Đàn Tuệ (2 ngón út) móc chặt nhau.

Tiền Lực (2 ngón trỏ) cùng vịn nhau.

Đáy gọi là **Khởi Án**



“**Án – phộc nhật _la đề sắt _ xá Hồng**”

ॐ वज्र शृङ्ख

*)OM – VAJRA TIṢṬA HŪM

Tưởng chữ **Hồng** (ॐ_ HŪM) tại tim

Biên thành chày Ngũ Trí (Chày Kim Cương có 5 chia)
 Nên tướng trong toàn thân
 Hết thấy số bụi nhỏ
 Là **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajrasatva)
Kim Cương Chương duỗi tý (cánh tay)



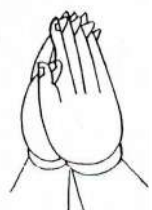
Toàn thân sát đất lễ
 Xả thân khắp Pháp Giới
 Phụng hiến **A Súc Tôn** (Akṣobhya: Bất Động Phật)
 Lễ hết, thờ chư Phật.
 Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đất tha nga đá, bồ tổ, bá tát-tha năng dã, đất-ma năm, nễ lý-dã đá, dã nhĩ, tát phộc đất tha nga đa, phộc nhật-la, tát-đất phộc, địa sắt-xá, sa-phộc hàm, hồng**”

ॐ स त् न ए त्त ग पुरा पश्चि म् य त्त म् न् ॐ न् य म् स त् न ए त्त ग वृ त्त म् न् ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM – SARVA-TATHĀGATA-PŪJA PASVANĀYA ATMANĀM NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-SATVA ADHIṢṬA SVĀMAM – HŪM.

Tiếp tướng chữ **Đát-Lạt** (ॐ TRĀḤ)
 Báu Kim Cương ở trán
 Tướng thân là hình báu
 Số bụi nhỏ trong thân
 Tướng thành **Kim Cương Tạng** (Vajra-garbha)
 Toàn thân dùng trán lễ
 Kim Cương Chương ở Tim.



Phụng hiến **Bảo Sinh Tôn** (Ratna-sambhava)
 Tướng ở vô biên cõi
 Tay cầm mao Ngũ Phật
 Rưới tất cả đỉnh Phật.
 Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đất tha nga đá, bồ nhạ, tị sai ca dã, đất-ma năm, nễ lý-dã đá, dã nhĩ, tát phộc đất tha nga đá, phộc nhật-la, la đất-na tị sai tả, sa-phộc hàm, đát-lạt**”

ॐ स त् न ए त्त ग पुरा पश्चि म् य त्त म् न् ॐ न् य म् स त् न ए त्त ग वृ त्त म् न् ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM- SARVA TATHĀGATA-PŪJA ABHIŚAIKĀYA ATMANĀM NIRYĀTA
YĀMI – SARVA-TATHĀGATA VAJRA-RATNA ABHIŚIṂCA MAṂ – TRĀḤ.

Quán chữ **Hột Lý** (ॐ _ HRĪḤ) ở miệng
Liên tưởng sen tám cánh
Quán thân là hoa sen
Số bụi nhỏ trong thân
Tưởng thành **Kim Cương Pháp** (Vajra-dharma)
Toàn thân dùng miệng lễ
Kim Cương Chương ở đỉnh



Phụng hiến **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)
Tưởng khắp các **Phật Hội** (Parśad-maṇḍala)
Mà thỉnh **chuyển Pháp Luân** (Dharma-cakra-pravartana)
Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đất tha nga đá, bố nạp, bát-la phộc đá năng dã, đất-ma nắm, nễ li-dã đá, dã nhĩ, tát phộc đất tha nga đá, phộc nhật-la, đật ma, bát-la phộc lý-đá dã, sa-phộc hàm, hột-lý-dĩ**”

ॐ मङ्गलं नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

OM- SARVA-TATHĀGATA-PŪJA PRAVARTTANĀYA ATMANĀM NIRYĀTA
YĀMI – SARVA-TATHĀGATA VAJRA-DHARMA PRAVARTTĀYA MAṂ- HRĪḤ.

Tưởng chữ **A** (ॐ _ AḤ) ở đỉnh
Biến thành **Nghiệp Kim Cương** (Karma-vajra)
Quán thân thuần **Kim Cương** (Vajra)
Số bụi nhỏ trong thân
Đều thành **Kim Cương Nghiệp** (Vajra-karma)
Toàn thân dùng đỉnh lễ
Kim Cương Chương ngang tim.



Phụng hiến **Bất Không Tôn** (Amogha-siddhi: Bất Không Thành Tựu Phật)
Tưởng ở khắp Tập Hội
Quán **Thân Kim Cương Nghiệp** (Vajra-karma-kāya)
Rồi làm **cúng dường lớn** (Mahā-pūja)
Chân Ngôn là:

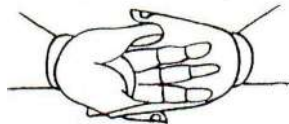
“**Án, tát phộc đất tha nga đá, bồ nhạ, ca ma nê, a đất-ma nam, nễ lị-dã đá, dã nhĩ, tát phộc đất tha nga đá, phộc nhật-la, ca ma, câu lỗ, sa-phộc hàm, A**”

ॐ स त् न ए त्त व ष्टु क ष्टु म् (ॐ त्तु न् ए त्त व ष्टु क ष्टु म्) ॐ स त् न ए त्त व ष्टु क ष्टु म्

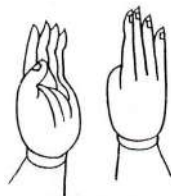
OM- SARVA-TATHĀGATA-PŪJA KARMAṆI ATMANĀM NIRYĀTA YĀMI – SARVA-TATHĀGATA VAJRA-KARMA KURU MAṀ – AH

Tiếp kết **Kim Cương Trì Đại Án**

Thiền Tuệ (ngón cái phải và ngón út trái) Đản Trí (ngón út phải và ngón cái trái) cùng cài ngược



Gối phải sát đất, đặt trên đỉnh
 Mỗi mỗi tưởng lễ chân Như Lai
 Duỗi ngón từ đỉnh như rũi đai
 Từ Tim xoay chuyển như thể múa



Kim Cương Hợp Chương đặt trên đỉnh



Chân Ngón là:

“**Án, tát phộc đất tha nga đá, ca dã nhĩ, phộc chỉ tức đá, phộc nhật-la, bát-la noa mỗi, phộc nhật-la, măn ná nam, ca lỗ di- Án, phộc nhật-la, vãn**”

ॐ स त् न ए त्त व ष्टु क ष्टु म् (ॐ त्तु न् ए त्त व ष्टु क ष्टु म्) ॐ स त् न ए त्त व ष्टु क ष्टु म्

*)OM – SARVA TATHĀGATA KĀYA VĀK- CITTA VAJRA VANDANĀM KARA-UMI – OM VAJRA VIḤ.

Quy mệnh mười phương **Chính Đẳng Giác** (Samyaksambuddha)

Điệu Pháp (Saddharma) tối thắng, **chúng Bồ Tát** (Bodhisatva-saṃgha)

Dùng **Nghiệp** (Karma) thanh tịnh **Thân** (Kāya) **Khẩu** (Vāc) **Y** (Manas)

Án cần chấp tay cung kính lễ.

Vô thủy **luân hồi** (Saṃsāra) trong các Hữu (Bhava: mọi cõi tồn tại)

Nghiệp Thân Khẩu Ý đã sinh tội

Như Phật Bồ Tát đã sám hối

Nay con trần sám cũng như vậy.

_ Trong Hạnh Nguyên, chư Phật Bồ Tát
Ba Nghiệp Kim Cương nơi sinh **Phước** (Puṇya)
Duyên Giác (Pratyeka-buddha), **Thanh Văn** (Śrāvaka) với **Hữu Tình** (Satva)
Gom chứa **căn lành** (Kuśala-mūla), tùy hỷ hết

_ Tất cả Thế Đăng ngồi **Đạo Trường** (Maṇḍala)
Hé mở mắt Giác soi ba Hữu
Nay con quỳ gối, trước khuyến thỉnh
Chuyển bánh xe Pháp **Diệu Vô Thượng**.

_ Hết thầy **Như Lai** (Tathāgata), chủ **Tam Giới** (Trayo-dhātavaḥ)
Bậc đến **Vô Dư Bát Niết Bàn** (Nirupadhiśeṣa-nirvāṇa)
Con đều khuyến thỉnh khiến trụ lâu.
Chẳng bỏ Bi Nguyên cứu **Thế Gian** (Loka, hay Laukika)

_ Phước: Sám Hối, Tùy Hỷ, Khuyến Thỉnh.
Nguyên con chẳng mất **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)
Chư Phật Bồ Tát trong Diệu Chúng
Thường làm bạn lành chẳng chán bỏ
Lìa nơi **tám nạn** (Aṣṭav-akṣaṇāḥ), sinh không nạn
Túc Mệnh (Purvanivasānusmṛti-jñāna) trụ Trí Tướng nghiêm thân.
Mau lìa ngu mê, đủ **Bi** (Kāraṇa) **Trí** (Jñāna)
Đều hay mãn túc **Ba La Mật** (Pāramitā).
Giàu, vui, sung túc, sinh Thắng Tộc
Quyến thuộc rộng nhiều thường thịnh vượng.
Bốn Vô Ngại Biện (Catasraḥ- pratisamvidah), **mười Tự Tại** (Daśa –vaśitā)
Sáu Thông (Ṣaḍ-abhijñāḥ), các **Thiền** (Dhyāna) đều viên mãn.
Như **Kim Cương Tràng** (Vajra-ketu) với **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra)
Nguyên tán hồi hướng cũng như vậy.

_ Hành Giả nguyện rộng lớn
Tiếp nên phát Thắng Tâm
Nguyện tất cả **Hữu Tình** (Satva)
Nơi Như Lai xưng tán
Thế Gian (Laukika), **Xuất Thế Gian** (Lokottara)
Mau thành **Thắng Tất Địa** (Jaya-siddhi).
Hợp chường Chân Ngôn là:

“An, tát phộc đát tha nga đá, thương tất đá, tát phộc tát đát-phộc nam, tát
phộc tất đà dục, tam bá nễ-diễn đam, đát tha nga đá thất-tả, địa để sắt-xá đam”

ॐ सत् सर्वपापक्षयिणि सर्वपापक्षयिणि सर्वपापक्षयिणि सर्वपापक्षयिणि सर्वपापक्षयिणि
सर्वपापक्षयिणि सर्वपापक्षयिणि

OM- SARVA-TATHĀGATA ŚAMSITĀḤ – SARVA SATVĀNĀM SARVA
SIDDHAYAḤ, SAMPADYATNĀM , TATHĀGATA-ŚCA ADHITIṢṬĀNĀ

_ **Ma** (म_ MA) **Tra** (त्र_ T) ở hai mắt (phải, trái)
Nên quán là **Nhật** (Sūrya:mặt trời), **Nguyệt** (Candra:mặt trăng)
Hai tay **Kim Cương Quyền** (Vajra-saṃdhi)

Đều đặt ở cạnh eo



Nhìn khắp Phật trong Không.
Chư Phật đều vui vẻ.
Hết thấy nhóm hương, hoa
Với vật cùng dường khác.
Nhân mắt này nhìn ngắm
Trừ dơ thành thanh tịnh
Tịch Trừ thành Kết Giới.
Chân Ngôn là:
“Án, phộc nhật-la niết-ly sắt-trí, ma tra”

ॐ वज्रदृष्टि मत्
OM_ VAJRA-DRṢṬI MAT

Phước Trí chấp hai vũ (chấp hai tay lại)
Mười độ (mười ngón tay) giao phần đầu.
Gọi là **Kim Cương Chưởng** (Vajrā-jāli)
Đầu của tất cả Án.



Chân Ngôn là:
“Án, phộc nhật-la, nhạ lễ “
ॐ वज्रमज्जलि
OM – VAJRĀMJĀLI

Túc Kim Cương Chưởng ấy
Mười Độ (10 ngón tay) kết làm Quyền
Gọi là **Kim Cương Phộc** (Vajra-bandha)
Hay giải Kiết Sử Phộc (sự trói buộc của Kiết Sử).



Chân Ngôn là:
“Án, phộc nhật-la mãn đà”
ॐ वज्रबन्ध
OM– VAJRA-BANDHA.

Liên dùng Kim Cương Phộc

Hay tịnh **Thức Thứ Tám** (Ālaya vijñāna)
 Cũng trừ mầm (chủng) tạp nhiễm.
 Hai chữ **Đát-La** (𑖔 TRĀ) **Tra** (𑖕 T)
 Tường đặt ở hai vú
 Hai Vũ (2 tay) Kim Cương Phộc



Kéo mở như trục cửa
 Chân Ngôn là:
“Án, phộc nhật-la, mãn đà, đát-la tra”
 𑖔 𑖕 𑖕 𑖕 𑖕 𑖕
 OM_VAJRA ABANDHA TRĀṬ

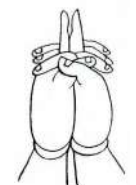
Liên dùng Kim Cương Phộc
 Co Thiền Trí (2 ngón cái) vào chường.
 Khoảng Đàn Tuệ (2 ngón út) Giới Phương (2 ngón vô danh)
 Tường triệu **Trí Vô Lộ** (Anāsvara-jñāna)
 Nhập vào trong **Tàng Thức** (Ālaya-vijñāna).
 Chân Ngôn là:
“Án, phộc nhật_la phệ xá, ác”
 𑖔 𑖕 𑖕 𑖕 𑖕 𑖕
 OM – VAJRA ĀVIŚA AḤ

Liên dùng Ấn Tướng trước
 Tiến Lực (2 ngón trỏ) trụ Thiền Trí (2 ngón cái)



Đem phụ nơi Tâm Môn (cửa trái tim)
 Trí Vô Lộ bền chắc
 Chân Ngôn là:
“Án, phộc nhật-la, mẫu sắt-trí, tông”
 𑖔 𑖕 𑖕 𑖕 𑖕 𑖕
 OM-VAJRA-MUṢṬI VAM

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc.
 Dụng Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) như kim.



Vừa tụng Chân Ngôn xong.
Thân mình thành **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra)
Ngồi ở trên vành trăng
Trước thân quán Phổ Hiền
Chân Ngôn là:

“**Án, tam ma gia, tát-đát-tông**”

ॐ स म र्म र्म च

OM – SAMAYA STVAM

Hành Giả tiếp nên kết

Đại Thệ Chân Thật Khé

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Thẳng Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái)

Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) giao trong chưởng

Khiến mặt ngón hợp nhau.

Đem hai độ (2 ngón tay) khắc tim.



Gọi là **Đại Bi Tiễn** (Mũi tên Đại Bi)

Dùng bản Tâm chán lia (yêm ly)

Tam Muội Gia **Cực Hỷ**

Cảnh giác Bản Thệ Nguyện.

Chân Ngôn là:

“**Án, tam ma gia, hộc, tổ đát la, tát-đát-tông**”

ॐ स म र्म र्म ऋ श्र ॐ च

OM– SAMAYA HOḤ SURATA STVAM

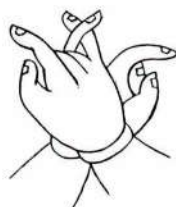
Hành Giả tiếp nên kết

Giáng Tam Thế Đại An (Trailokya-vijaya-mahā-mudra)

Hai vũ (2 bàn tay) **Phẫn Nộ Quyền** (Krodha-muṣṭi)

Đàn Tuệ (2 ngón út) móc kết lưng.

Tiền Lực (2 ngón trỏ) cứng hai lưng.



Thân tướng **Phẫn Nộ Vương** (Krodha-rāja)

Tám tay với bốn mặt

Cười giận, hình đáng sợ.

Bốn nanh, thân rực lửa

Co chân phải, thẳng (chân) trái.

Đạp **Đại Thiên** (Mahā-deva) với **Hậu** (Uma phi)

Gần tiếng, tụng Chân Ngôn.

Xoay chuyển ở mười phương.

Chuyển trái là **Tịch Trừ**

Chuyển phải là **Kết Giới**.

Chân Ngôn là:

“**Án, tôn bà nãnh, tôn bà nãnh hồng, ngật-lý hạ-noa, ngật-lý hạ-noa, hồng, ngật-lý hạ-noa bá dã, hồng, a nẳng dã, hộc, bà nga tông, phộc nhật-la, hồng phát tra**”.

ॐ 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜

OM _ SUMBHANI SUMBHA HŪM _ GRHṆA GRHṆA HŪM _ GRHṆA APAYA
HŪM_ ĀNAYA HOḤ BHAGAVAM VAJRA HŪM PHAT.

Tiếp kết Kim Cương Liên

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Thẳng Đàn Tuệ (hai ngón út) Thiên Trí (hai ngón cái)



Tam Muội Gia **Liên Hoa**

Được thành **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya)

Chủ Tể của Chuyển Luân

Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la, bát nạp-ma, tam ma dã, tát-đát-tông**”

ॐ 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜

OM- VAJRA-PADMA-SAMAYA STVAM

Trong **Thức A Lại Gia** (Ālaya-vijñāna)

Phản ngược mầm **Bồ Đề** (Bodhi)

Tiếp kết **Pháp Luân Ấn** (Dharma-cakra-mudra)

Tội phá Luân Yểm Ly

Tức Liên Hoa Ấn trước

Đàn Tuệ (hai ngón út) giao thẳng cứng



Đẩy kéo ở tim mình

Liên diệt mầm **Nhị Thừa**

Chân Ngôn là:

“**Hồng, tra chỉ, sa-phổ tra dã, ma hạ vĩ la nga, phộc nhật lam, phộc nhật la đà la, tát đế duệ, nẳng thá**”.

ॐ 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜 𑖙𑖛𑖜

HŪM ṬAKKI SPHOṬAYA – MAHĀ-VIRĀGA VAJRAM VAJRA-DHĀRA
SATYENA ṬHAḤ.

Tiếp kết **Đại Dục Ấn**

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Thiền (ngón cái phải) vào hồ khẩu **Trí** (ngón cái trái)



Tùy Tụng mà xuất nhập (ra vào)

Chân Ngôn là:

“**Án, tố la đá, phộc nhật-lam, nhược, hồng, tông, hộc, tát ma dã, tát-đát-tông**”

ॐ श्रीं नमो वज्रं षड्ङ्कं नमस्यै च

OM- SURATA VAJRAM – JAḤ HŪM VAM HOḤ – SAMAYA STVAM.

Đại Lạc Bất Không Thân

Ấn khế giống như trên



Nguyện khắp các Hữu Tình

Mau chứng **Như Lai Địa** (Tathāgata-bhūmi)

Người tu hành **Du Gia** (Yoga)

Tự thành **Trí** sâu lớn (Đại thân)

Mãn **Bồ Đề** (Bodhi) **đại dục** (Mahā-rāga)

Viên thành mầm **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa)

Chân Ngôn là:

“**Án, ma hạ tố khư, phộc nhật-lam sa đà dã, tát phộc tát đất-phệ tỳ dụ, nhược, hồng, tông, hộc**”

ॐ मन् श्रिवं वज्रं सदयं सत् सवृत्तुः षड्ङ्कं नमः

OM- MAHĀ-SUKHA-VAJRAM SĀDHAYA – SARVA-SATVEBHYAḤ JAḤ HŪM VAM HOḤ.

Tiếp kết **Triệu Tội Ấn**

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Duỗi Nhẫn Nguyện (hai ngón giữa) như Kim

Co Tiến Lực (hai ngón trỏ) như câu (móc câu)



Khởi Tâm Đại Bi Mẫn
Đến, đi mà quán tưởng
Triệu các tội Hữu Tình
Ba nẻo ác thân mình
Triệu mọi tội vào chướng (lòng bàn tay)
Màu đen như mây mù
Đa số là hình Quỷ
Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc bá ba, ca lật-sái noa, vĩ thú đà nãng, phộc nhật-la tát đát-phộc, tam ma dã, hồng nhược**”

ॐ स्र् वपपक धमि विज्जव न वज्रस्र् व समय ॐ ः

OM SARVA-PĀPA AKARṢAṆA VIŚODHANA VAJRA-SATVA-SAMAYA – HŪM PHAT

Tiếp kết **Tội Tội Án**

Tám Độ (tám ngón tay) cùng cài trong
Nhấn Nguyện (hai ngón giữa) dựng như trước



Nên quán Chày Độc Cỏ
Cần quán thân tướng mình
Biến thành **Giáng Tam Thế** (Trailokya-vijaya)
Gần tiếng tụng Chân Ngôn
Nội Tâm khởi Từ Bi
Nhấn Nguyện (hai ngón giữa) vỗ ba lần
Phá các tội Hữu Tình
Điều tịnh trừ ba ác
Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la bá ni, vĩ sa-phổ tra dã, tát phộc bá dã, mẫn đà nãng ninh, bát-la mô ngật-sái dã, tát phộc bá ba nga để tỷ dục, tát phộc tát đát-phộc, tát phộc đát tha nga đá, phộc nhật-la tam ma dã, hồng, đát-la tra**”.

ॐ वज्रपमि विज्जव न वज्रस्र् व समय ॐ ः
स्र् स्र् स्र् न वज्र समय ॐ ः

OM VAJRA-PĀNI VISPHOṬAYA SARVA-PĀPA BANDHANĀNI
PRAMOKṢĀYA SARVA-PĀYAGATEBHYAḤ SARVA-SATVA – SARVA
TATHĀGATA-VAJRA-SAMAYA HŪM TRAT.

Tiếp nên tịnh nghiệp chướng
Khiến diệt nghiệp quyết định
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Chướng
Tiền Lực (hai ngón trỏ) co lỏng hai
Thiền Trí (hai ngón cái) đè hai độ (hai ngón trỏ)



Kết Nghiệp Chương Trừ này

Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la, yết la-ma, vĩ thú đà dã, tát phộc phộc la noa ninh, một đà tát đế duệ năng, tam ma dã, hồng**”

ॐ वज्रकर्म (असुखय मत्तव र्मण वृत्त मत्तव समय ॐ

OM- VAJRA-KARMA VISUDDHĀYA SARVA-AVARAṆANI _ BUDDHA SATYENA SAMAYA HŪM.

Tiếp thành **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)

Khiến Ta Người viên mãn

Tức như **Liên Hoa Khé** (Padma-mudra)

Dụng Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái)



Đặt bên trái đỉnh đầu

Chân Ngôn là:

“**Án, tán nại-lồ đa lê, tam mãn đá bà nại-la, chỉ la ni, ma hạ phộc nhật-lý ni, hồng**”

ॐ वज्रवृत्त समवृत्त (क र्म मत्त वृत्त ॐ

OM- CANDRA-UTTARE SAMANTA-BHADRA KIRAṆI – MAHĀ-VAJRIṆI HŪM.

Vận tâm các Hữu Tình

Trên trắng, uy Như Lai

Mau thành như **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra)

Kinh Du Già đã nói

Nên kết Già Phu Tọa

Chẳng lay động chi tiết

Nên kết **Đẳng Án** trì

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Ngựa đặt ở dưới rón



Thẳng thân đừng lay động

Lưỡi trụ trên nóc họng

Ngung thờ khiến vi tế (nhỏ nhiệm)
Đề quán (chân thành quán) các **Pháp Tính** (Dharmatā)
Đều do ở tâm mình
Phiền Não (Kleśa), **Tùy Phiền Não** (Upakleśa)
Nhóm: **Uẩn** (Skandha), **Giới** (Dhātu), các **Xứ** (Ātayaṇa)
Đều như huyền, dương diệm (ảo ảnh do bóng nắng)
Nhu **thành Càn Thát Bà** (Gandharva-nāgara)
Cũng như vòng lửa xoay
Nhu tiếng dội trong hang
Nhu vậy Đề Quán xong
Chẳng thấy ở thân tâm
Trụ **tịch diệt bình đẳng**
Cứu cánh chân thật Trí

Liên quán trong Hư Không
Chư Phật như hạt mè
Tràn đầy Hư Không Giới
Tướng thân chứng Thập Địa
Trụ ở bờ như **Chân** (như Chân Tế)
Các Như Lai trong Không
Búng tay rồi cảnh giác
Nói rằng: *Thiện Nam Tử!*
Nơi sở chướng của người
*Là **Nhất Đạo** thanh tịnh*
Kim Cương Dụ Tam Muội
*Với đấng **Tát Bà Nhược** (Sarva-jñā: Nhất Thiết Trí)*
Còn chưa thể chứng biết
Đừng cho đây là đủ
Nên mãi tức phở Hiền
*Mới thành **Tối Chánh Giác***
Thân tâm chẳng lay động
Trong Định, lễ chư Phật
Chân Ngôn là:
“**Án, tát phộc đát tha nga đa, ba na mãn na nam, ca lồ nhĩ**”
唵 嘛 呢 叭 彌 吽 娑 婆 訶 囉 訶 囉 訶
OM- SARVA-TATHĀGATA-PĀDA VANDANĀM KARA-UMI.

_Hành Giả nghe cảnh giác
Trong Định, lễ khắp xong
Nguyện xin các Như Lai
*Chỉ con nơi **Sở Hành***

_ Chư Phật cùng bảo rằng
Người nên quán tự tâm (tâm của mình)

_ Đã nghe lời ấy xong
Nhu Giáo, quán tâm mình
Trụ lâu, chân thành quán (đề quán sát)
Chẳng thấy tướng tâm mình

Lại tướng lễ chân Phật
Bạch rằng: *Tối Thắng Tôn!*
Con chẳng thấy tâm mình
Tâm này tướng thế nào?

_ Chư Phật đều bảo rằng
Tướng tâm khó đo lường
Trao cho Tâm Chân Ngôn
Liên tụng “**Triệt Tâm Minh**” (bài chú làm cho tâm sáng suốt thông đạt)
Quán Tâm như vành trăng
Như ở trong sương mù
Như Lý chân thật quán (Đề quán sát)
Chân Ngôn là:
“**Án, chỉ đa bát-la để phệ đặng ca lô nhĩ**”
ॐ ཨ མ འ ཨ མ འ ཨ མ
OM- CITTA PRATIVEDHAM KARA-UMI

_ Tạng Thức vốn chẳng nhiễm
Thanh tịnh không hoen ô
Lâu dài gom **Phước** (Punya) **Trí** (Jñāna)
Ví như vành trăng trong
Không **Thế** cũng không **việc**
Liên nói chẳng phải Trăng
Do đủ Phước Trí nên
Tâm mình như trăng đầy
Tâm mừng rỡ vui vẻ
Lại bạch: *Các Thế Tôn!*
Con đã thấy tâm mình
Thanh tịnh như trăng đầy
Lìa các phiền não cấu (bụi như phiền não)
*Nhóm **Năng Cháp** (Grāka), **Sở Cháp** (Grāhya)*

_ Chư Phật đều bảo rằng:
Tâm người vốn như vậy
Vì khách trần che lấp
Tâm Bồ Đề là Tịnh
Người quán vành Trăng trong
Được chứng Tâm Bồ Đề
Truyền **Tâm Chân Ngôn** này
Mật tụng mà quán sát
Chân Ngôn là:
“**Án, mạo địa tức đá mẫu đà ba na, dạ nhĩ**”
ॐ བ འ ཨ མ འ ཨ མ
OM – BODHI-CITTAM UTPĀDA YĀMI
Hay khiến vành trăng tim
Tròn đầy hiển sáng rực

_ Chư Phật lại bảo rằng:

Tâm Bồ Đề bền chắc
Lại trao **Tâm Chân Ngôn**
Quán Kim Cương Liên Hoa.
Chân Ngôn là:
“**Án, tô khất-xoa ma, phộc nhật-la**”
ॐ सुख वज्र
OM- SUKṢMA VAJRA

Quán Ngũ Cổ Kim Cương Chân Ngôn là:
“**Án, đê sất-xá, phộc nhật-la**”
ॐ गृ वज्र
OM- TIṢṬA VAJRA
Người ở vành trăng trong
Quán Ngũ Trí Kim Cương
Khiến vòng khắp Pháp Giới
Chỉ một Đại Kim Cương

Tiệm Quảng (lớn dần) **Chân Ngôn** là:
“**Án, sa-phả la, phộc nhật la**”
ॐ झ वज्र
OM- SPHARA VAJRA

Tiệm Lược (thu nhỏ dần) **Chân Ngôn** là:
“**Án, tăng hạ la, phộc nhật la**”
ॐ झ वज्र
OM – SAMHARA VAJRA

Cần phải biết thân mình
*Tức là **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu)*
Chân Ngôn là:
“**Án, phộc nhật-la đát-ma cú hàm**”
ॐ वज्र अहं
OM- VAJRA-ATMAKA-UHAM
Thân mình là Kim cương
Bền chắc không nhiễm hoại
Lại bạch chư Phật rằng
*Con là **thân Kim Cương** (Vajra-kāya)*

Thời các Như Lai ấy
Liên sắc (ban dạy) Hành Giả rằng:
Quán thân là hình Phật
Lại trao Chân Ngôn này
“**Án, dã tha, tát phộc đát tha nga đá, tát-đát tha hàm**”
ॐ यथा सर्वा तथैवा तथैव
OM- YATHA SARVA-TATHĀGATA STATHĀHAM

Đã thấy thân thành Phật
Đều đầy đủ tướng tốt

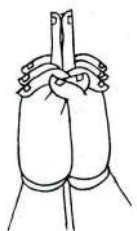
Các Như Lai gia trì
Hiện chứng Trí Thật Tướng
Chẳng sửa tướng Ấn trước
Nên tụng Chân Ngôn này

“**Án, tát phộc đát tha nga đá, tị tam mạo địa, niết-lý trà, phộc nhật-la, để sắt tra**”

ॐ स र्व त्थ गत न र्क स र्व त्थ ह र्क व र्ज त्थ

OM – SARVA-TATHĀGATA ABHISAMBODHI DRDHA-VAJRA TIṢṬA.

Tiếp kết bốn Như Lai
Tam Muội Gia Khé Ấn
Đều dùng Bản Chân Ngôn
Mà dùng gia trì thân
Bất Động Phật ở tim



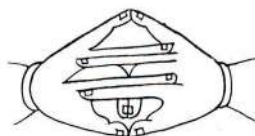
Bảo Sinh Tôn ở trán



Vô Lượng Thọ ở họng



Bất Không Thành Tựu đỉnh



1_ **Án, phộc nhật-la tát đát-phộc, địa sắt xá, sa-phộc hàm, hồng**

ॐ व र्ज स त्थ त्थ स र्व त्थ

OM– VAJRA-SATVA ADHIṢṬA SVĀMAṀ HŪM

2_ **Án, phộc nhật-la la đát-năng, địa sắt xá, sa-phộc hàm, đát lạc.**

ॐ वज्ररत्नधर्म स्वामि त्रैः

OM – VAJRA-RATNA ADHIṢṬA SVĀMAM TRĀḤ

3_ **Án, phộc nhật-la đạt la-ma, địa sắt xá, sa-phộc hàm, hột-lý-dĩ.**

ॐ वज्रधर्मधर्म स्वामि ह्रीः

OM – VAJRA-DHARMA ADHIṢṬA SVĀMAM HRĪḤ

4_ **Án, phộc nhật-la yết la-ma, địa sắt xá, sa-phộc hàm, Ac**

ॐ वज्रकर्मधर्म स्वामि अहः

OM – VAJRA-KARMA ADHIṢṬA SVĀMAM AḤ

Đã dùng gia trì thân

Tiếp nên trao Quán Đỉnh

Án Khê năm Như Lai

Đều như Tam Muội Gia

Biến Chiếu quán ở đỉnh



Bất Động Phật ở trán



Bảo Sinh Tôn đỉnh hữu (bên phải đỉnh đầu)



Vô Lương Thọ đỉnh hậu (phía sau đỉnh đầu)



Bát Không Thành Tựu Phật

Tại bên trái đỉnh đầu



Chân Ngôn là:

1_ **Án, tát phộc đát tha nga đỏi, tháp-phộc lý-dã, tị sái kè, tông**

ॐ स र्व तथ गते श्वर्य ष्ट र्क्ष क र्

OM – SARVA TATHĀGATEŚVARYA ABHIŚAIKA _VAM

2_ **Án, phộc nhật-la tát đát-phộc, tị sắt tả hàm, hồng**

ॐ व ज्ज स र्क्ष र्क्ष व र्क्ष ष्ट

OM– VAJRA-SATVA ABHIŚIṀCA MĀM_ HŪM

3_ **Án, phộc nhật-la, la đát-năng, tị sắt tả hàm, đát-lạc**

ॐ व ज्ज र्क्ष र्क्ष र्क्ष व र्क्ष ष्ट

OM – VAJRA-RATNA ABHIŚIṀCA MĀM_ TRĀḤ

4_ **Án, phộc nhật-la, bát nạp-ma, tị sắt tả hàm, hột-lý-dĩ**

ॐ व ज्ज प र्क्ष र्क्ष व र्क्ष ष्ट

OM – VAJRA-PADMA ABHIŚIṀCA MĀM_ HRĪḤ

5_ **Án, phộc nhật-la, yết la-ma, tị sắt tả hàm- Ác**

ॐ व ज्ज र्क्ष र्क्ष र्क्ष व र्क्ष ष्ट

OM – VAJRA-KARMA ABHIŚIṀCA MĀM_ AḤ

Tiếp nên quán sau đỉnh

Nên cột **Như Lai Man**

Các Như Lai bốn phương

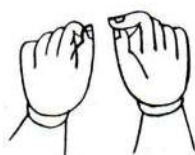
Đều **Tam Muội Gia Khế**

Trước trán, hai vũ (hai tay) chia

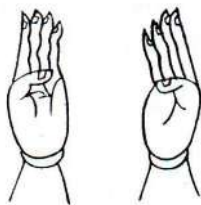


Ba lần kết sau đỉnh

Hướng trước như rũi dai



Trước mở từ Đàn Tuệ (hai ngón út)

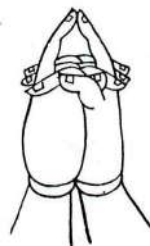


Chân Ngôn là:

1_ **Án, phộc nhật-la đà đát-vị, ma la, tị sần tả hàm, tông**

ॐ वज्रध्व माला (वं व मं वं

OM- VAJRA-DHĀTVE MĀLA ABHIṢIṂCA MĀM - VAM



2_ **Án, phộc nhật-la, la đát-năng, ma la, tỳ sần tả hàm, tông**

ॐ वज्ररत्न माला (वं व मं वं

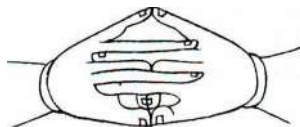
OM_ VAJRA-RATNA MĀLA ABHIṢIṂCA MĀM_ VAM



3_ **Án, phộc nhật-la, bát nạp-ma, ma la, tị sần tả hàm, tông**

ॐ वज्रपद्म माला (वं व मं वं

OM_ VAJRA-PADMA MĀLA ABHIṢIṂCA MĀM_ VAM



4_ **Án, phộc nhật-la, yết la-ma, ma la, tị sần tả hàm, tông**

ॐ वज्रकर्म माला (वं व मं वं

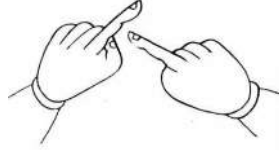
OM_ VAJRA-KARMA MĀLA ABHIṢIṂCA MĀM_ VAM

Tiếp đôi với Hữu Tình

Nên hưng **Tâm Đại Bi** (Mahā-kāruṇa-citta)

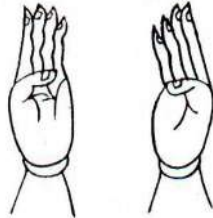
Trong sanh tử vô tận

Luôn mặc giáp **Đại Thệ**
 Vì tình quốc thổ Phật
 Giáng phục các Thiên Ma
 Thành Tối Chính Giác, nên
 Mặc giáp Trụ Như Lai
 Hai vũ (2 tay) Kim Cương Quyền
 Ngay tim duỗi Tiến Lực (hai ngón trỏ)
 Hai Độ (hai ngón tay) cùng ràng cột (xoay vòng như cột thẳng)



Tim, lưng, rồi hai gối
 Rón, eo, tim, hai vai
 Họng, cổ, trán, đỉnh đầu
 Mỗi mỗi xoay ba vòng
 Từ từ rũ xuống dưới
 Trước bụng từ Đan Tuệ (hai ngón út)
 Ấn hay Hộ tất cả
 Thiên Ma chẳng thể hại
 Chân Ngôn là:
“Ấn, chiêm”
 ॐ ॐ
 OM- TUM

Tiếp đến **Kim Cương Phách**
 Ngang chuông vỗ ba lần



Do uy lực Ấn này
 Buộc giải, cột các giải
 Liên thành giáp bền chắc
 Thánh Chúng đều vui vẻ
 Đắc được Thể Kim Cương
 Như **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva)
 Chân Ngôn là:
“Ấn, phộc nhật-la, đồ sử-dã, hộc”
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 OM- VAJRA TUŞYA HOH

Tiếp kết **Hiện Trí Thân**
 Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc
 Thiên Trí (hai ngón cái) vào trong chuông



Trước thân, tướng vành trắng
Ở trong quán Bản Tôn
Đế Quán nơi tướng tốt
Biến Nhập (Āviśa: vào khắp) Kim Cương xong
Bản Ấn như Nghi Tắc
Trước thân cần phải kết
Suy tư **Đại Tát Đỏa** (Mahā-satva)
Chân Ngôn là:
“Án, phộc nhật-la, tát đát-phộc, ác”
ॐ वज्रसत्वा ह्री
OM– VAJRA-SATVA AH

Tiếp kết **Kiên Trí Thân**
Ấn Khế như tướng trước



Thấy **Trí Tát Đỏa** (Jñāna-satva) ấy
Nên quán ở thân mình
Câu triệu dẫn vào buộc
Khiến vui làm thành tựu
Chân Ngôn là:
“Án, phộc nhật-la, tát đát-phộc, niết-lý xả dã”
ॐ वज्रसत्वा ह्री
OM– VAJRA-SATVA DRŚYA

Tiếp kết Minh bốn chữ (Tứ Tự Minh)
Triệu dẫn vào thân mình
Ấn như Giáng Tam Thế
_Co đầu tiên (ngón trỏ phải) như câu (móc câu)



_Tiếp Tiến Lục (hai ngón trỏ) giao nhau



_ Vắn co đầu, trụ nhau

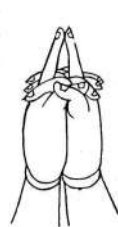


_ Tiếp cùng nhau móc kết
Rồi hợp cổ tay, rung



Do bốn Ấn Minh này
Triệu, Dẫn, Buộc (phộc), khiến vui (hỷ)
Chân Ngôn là:
“Nhược, hồng, tông, hộc”
𑖦 𑖧 𑖨 𑖩
JAḤ HŪM VAM HOḤ

Tiếp bày Tam Ma Gia
Nên kết Kim Cương Phộc
Dụng Nhãn Nguyệt (hai ngón giữa) như Kim



Thành Bản Tôn Du Già
Tụng **“Tam ma gia tát đát tông”**
𑖦𑖧𑖨𑖩 𑖦
SAMAYA STVAM
Vào khắp sau lưng rồi vành trắng
Ở trong nên quán Thể **Tát Đỏa** (Satva)
Ta: **Tam Muội Gia, tát đát tông** (samaya stvam)
Chân Ngôn là:
“Án, tam ma dữu hàm, ma hạ tam ma dữu hàm”
𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵
OM- SAMAYA-UHAM, MAHĀ-SAMAYA-UHAM

_ Tiếp Thành Tụ Pháp Giới
Phụng sự các Như Lai
Thế Gian: Khí, Hữu Tình (hai loại Thế Gian)
Tĩnh diệu làm cõi Phật
Trí thắng thượng, quán sát
Trong ngoài không chỗ có

Ba đời đồng Hư Không
 Quán niệm **Khiêm Tụ Môn** (𑀓𑀲 _ KHAM)
 Tiếp phát Trí Phong Luân
 Chữ **Hám** (𑀓𑀸 _ HAM) tương ứng khởi
 _ Nên quán Luân Vi Sơn
 Chữ **Kiểm** (𑀓𑀺 _ KAM) báu nghiêm sức
 Lại ở Hư Không, quán
 Chữ Noan (𑀓𑀻 _ VAM) **Biển Chiêu Tôn** (Vairocana-nātha)
 Đại Bi tuôn nước sữa
 Thành biển sữa thơm lớn
 _ Trong biển quán chữ **Bát-La** (𑀓𑀼 _ PRA)
 Tụ Môn thành rùa vàng
 Thân đó thật rộng lớn
 Vô lượng **Dụ Nhạ Năng** (Yojana: 7 dặm)
 Lưng quán chữ **Hột-Lý** (𑀓𑀽 _ HRĪḤ)
 Biển thành hoa sen diệp
 Tám cánh có ba tầng
 Màu đỏ đủ râu nhụy
 Thấy đều có hào quang
 _ Trong Đàn quán chữ **Tố** (𑀓𑀾 _ SU)
 Lộ **Diệu Cao Sơn Vương** (Sumeru: núi Tu Di)
 Do bốn báu tạo thành
 Bốn tầng với bốn ngọn
 Bảy núi vàng vây quanh
 Sườn núi lại có biển
 Chứa nước tám Công Đức
 Bạc Du Già Quán Niệm
 Mỗi mỗi đều rõ ràng
“Khiêm, Hám, Kiểm, Noan, Bát la, Hột-lý-dĩ, Tố”
 𑀓𑀲 𑀓𑀸 𑀓𑀺 𑀓𑀻 𑀓𑀼 𑀓𑀽 𑀓𑀾
 KHAM, HAM, KAM, VAM, PRA, HRĪḤ, SU.

_ **Thành Tụ Hải Chân Ngôn:**
“Án, vĩ ma lộ ná địa, hồng”
 𑀓𑀺 𑀓𑀻 𑀓𑀼 𑀓𑀽 𑀓𑀾 𑀓𑀿
 OM- VIMALA UDADHI HŪM

_ **Thành Tụ Sơn Chân Ngôn**
“Án, a tả la, hồng”
 𑀓𑀺 𑀓𑀻 𑀓𑀼 𑀓𑀽 𑀓𑀾
 OM- ACALA HŪM

Ở đỉnh núi **Diệu Cao** (Sumeru: núi Tu Di)
 Quán cung Phật Pháp Giới
 Do năm Trí tạo thành
 Lầu gác báu năm ngọn
 Tĩnh diệp vượt các cõi

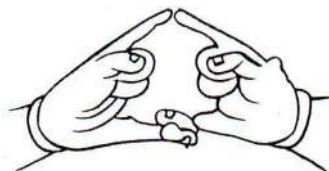
Mọi loại thắng trang nghiêm
Liên kết **Kim Cương Luân** (Vajra-cakra)
Mật Ấn của **Luân Đàn** (Cakra-maṇḍala)
Do uy lực Ấn này
Liên thành các Luân Đàn
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Quyền
Tiền Lực (hai ngón trỏ), Đàn Tuệ (hai ngón út) móc



Ở trong hiện quán tướng
Luân Đàn Như Lai Giáo
Liên ở trong gác báu
Mà quán **Mạn Noa La** (Maṇḍala)
Chân Ngôn là:
“**Án, phộc nhật-la, tác yết-la, hồng**”
ॐ वज्रवक्र हूं
OM- VAJRA-CAKRA – HŪM

Tiếp nên tụng **Khải Thỉnh**
Chẳng sửa tướng Ấn trước
Tướng bạch các Thánh Chúng
Xuống **Mạn Noa La** này
Khải Thỉnh Chân Ngôn là:
“**Dã tiện diễm, ninh vĩ cận-năng, sa tác yết-la, tất đệ tả, đá mẫu tị phộc lê, phộc nhật-la câu noa lê, hệ đồ, tỳ diễm đá, tỳ diễm ma, sa-đồ, tát ná năng mạc**”
ॐ वज्रवक्र हूं वज्रवक्र हूं वज्रवक्र हूं वज्रवक्र हूं वज्रवक्र हूं
YABHYĀM NIRVIGHNA SACAKRA SIDDHISYĀ TAMUHE BALE,
VAJRA-KUNḌALI HETU ABHYĀMṬA ABHYĀMMASTU SADĀ NAMAḤ

Tiếp kết **Khai Môn Ấn**
Tướng mở cửa Đại Đàn
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Quyền
Đàn Tuệ (hai ngón út) cùng móc nhau
Dụng Tiền Lực (hai ngón trỏ) hợp cạnh



Mỗi cửa tụng Chân Ngôn
Ứng **Hồng** (ॐ_HŪM) mà kéo mở
Từ Đông rồi chuyển phải
Mỗi phương, mặt hướng cửa
Nếu phương sở nhỏ hẹp

Liên tưởng trong quán tưởng
Vận tâm như Bản Giáo
Chân ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la ná-phộc lỗ, ỏn ná-già tra dã, tam ma dã, bát-la phệ xả dã, hồng**”

ॐ वज्रधरा उदाघाटया समया प्रवेशया हुम्

OM – VAJRA-DHĀRA UDAGHAṬAYA SAMAYA PRAVEŚAYA HŪM

Tiếp kết **Khải Thỉnh Khé**
Khải bạch các Thánh Tôn
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc
Nhấn Nguyện (hai ngón giữa) nên dựng hợp
Co Tiến Lực (hai ngón trỏ) như móc
Giữa, sau mà chẳng dính



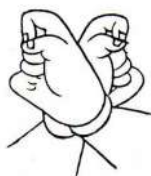
Xung tên rồi Khải Thỉnh
Ba lần xưng **Già Tha** (Gàthà)

“**A diễn đỗ, tát phệ bộ phộc, nãi ca sa lạc, bát-la noa nhĩ đá thể sa ca, thủ la ma lạc, tát khắt-xoa đát-ngật-lý đát, năng đá bà phộc, sa-phộc bà phộc, sa-phộc diễn bộ mao, năng đá bà phộc, sa-phộc bà phộc**”

ॐ याम्तु सर्वा भववतेकासाराहः प्रानामिताह शेषकथारा मारारह साक्षा कृता, अनन्ता भवा स्वभवा स्वयाम्भुवा, अनन्ता भवा स्वभववह

AYAMTU SARVA BHAVATEKASĀRAH, PRANĀMITĀH ŚEṢAKATHĀRA MĀRĀH SĀKṢA KṚTA, ANANTA BHAVA SVABHĀVA SVĀYAMBHUVA, ANANTA BHAVA SVABHAVĀH

Tiếp quán Phật Hải Hội
Chư Thánh vân tập khắp
Giao cánh tay, búng tay



Tiếng vang tràn Pháp Giới
Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la, tam ma nhạ, nhược**”

ॐ वज्रसमज्ञः

OM– VAJRA-SAMAJA_ JAḤ (Samaja: vân tập)

Các Như Lai tập hội
Đều ở tại Hư Không
Tụng **Bách Bát Danh Tán** (bài tán 108 tên)
Lễ Mạn Noa Thánh Chúng
Tán Thán Chân Ngôn là:

1. Phộc nhật-la tát đất-phộc, ma hạ tát đất-phộc, phộc nhật-la, tát phộc đất tha nga đá, tam mãn đá bà nại-la, phộc nhật-la nễ dĩa, phộc nhật-la bá ni, năng mô sa-đồ đế.

वज्रसत्त्व मन्सत्त्व वज्र सर्वतथगत समग्रसु वज्रसु वज्रस्यम
नमस्तुते

VAJRA-SATVA MAHĀ-SATVA VAJRA, SARVA TATHĀGATA, SAMANTA-BHADRA, VAJRADYA, VAJRAPĀṆI- NAMO STUTE.

2. Phộc nhật-a la nhạ, tổ một đà nga-lý-dĩa, phộc nhật-la câu xả, đất tha nga đá, A mô khur la nhạ, phộc nhật-la nễ-dĩa, phộc nhật-la ca la sa, na mô sa-đồ đế.

वज्ररत्न सुवज्रसु वज्रकुम्भि तथगत सुमन्वत्सु वज्रसु वज्र मन्ध
नमस्तुते

VAJRA-RĀJA SUBUDDHA AGRYA- VAJRA-AMKUŚA, TATHĀGATA, AMOGHA-RĀJA, VAJRADYA, VAJRA-AKARṢA, NAMO STUTE.

3. Phộc nhật-la, la nga, ma hạ tảo xí-dĩa, phộc nhật-la phộc noa phộc, thương ca la, ma la, ca ma, ma hạ phộc nhật-la tả bá, năng mô sa-đồ đế.

वज्ररत्न मन्सु वज्रवर्ण मन् इ मन् मन् वज्रस्य नमस्तुते
VAJRA-RĀGA, MAHĀ-SAUKHYA – VAJRA-VARṆA ŚAMKARA, MĀRA KĀMA – MAHĀ-VAJRA-CĀPA NAMO STUTE.

4. Phộc nhật-la, sa độ, tổ phộc nhật-la nga lý-dĩa, phộc nhật-la đồ sắt tai, ma hạ la đế, bát-la mô nễ-dĩa la nhạ, phộc nhật-la nễ-dĩa, phộc nhật-la hạ la-sa, năng mô sa-đồ đế.

वज्रसधु सुवज्रसु वज्र तुष्टै मन् इ त सुमन्वत्सु वज्रसु वज्रस्य
नमस्तुते

VAJRA-SĀDHU, SUVAJRA AGRYA – VAJRA TUṢṬAI, MAHĀ-RATE, PRAMODYA-RĀJA, VAJRADYA, VAJRA-HĀSA- NAMO STUTE.

5. Phộc nhật-la, la đất-năng, tổ phộc nhật-la la-tha, phộc nhật-la ca xả, ma hạ ma ni, A ca xả nga bà, phộc nhật-la trà-dĩa, phộc nhật-la nga bà, năng mô sa-đồ đế.

वज्ररत्न सुवज्रस्य वज्र मन्स्य मन्स्य मन्स्य वज्रसु वज्रस्य
नमस्तुते

VAJRA-RATNA, SUVAJRA-ARTHA, VAJRA-ĀKĀŚA, MAHĀ-MAṆI, ĀKĀŚA-GARBHA, VAJRAHYA, VAJRA-GARBHA, NAMO STUTE.

6. Phộc nhật-la, đế nhạ, ma hạ nhập-phộc la, phộc nhật-la tổ lý-dĩa, nhạ năng bát-la bà, phộc nhật-la la-thấp nhĩ, ma hạ đế nhạ, phộc nhật-la bát-la bà, năng mô sa-đồ đế.

वज्ररत्न मन्स्य वज्रसु सुवज्रसु वज्रसु मन्स्य वज्रसु
नमस्तुते

VAJRA-TEJA, MAHĀ-JVALA, VAJRA-SŪRYA, JINA-PRABHA, VAJRA-RAŚMI, MAHĀ-TEJA, VAJRA-PRABHA NAMO STUTE.

7. Phộc nhật-la kế đồ, tổ tát đất-phộc la-tha, phộc nhật-la đặc-phộc nhạ, tổ đồ sái ca, la đất-năng kế đồ, ma hạ phộc nhật-la, phộc nhật-la duệ sắt-tai, năng mô sa-đồ đế.

वज्रकेतु सुसत्त्वार्थ वज्रवृक्ष सुगणक [वज्रकेतु मन्त्रवज्र वज्रध्वं
नमस्तुते

VAJRA-KETU, SUSATVA-ARTHA, VAJRA-DHVAJA SUTOŚAKA, RATNA-
KETU, MAHĀ-VAJRA, VAJRA-AYUṢṬAI- NAMO STUTE.

8. Phộc nhật-la hạ sa, ma hạ hạ sa, phộc nhật-la tát nhĩ đá, ma hạ nạp-bộ đá
tát-lý để, bát-la mô nễ-dã la nhạ, phộc nhật-la nễ-dã, phộc nhật-la tát lý-để, năng
mô sa-đổ để.

वज्रहंस महहंस वज्रश्रंग मन्त्रुग प्रीति प्रमोदयारु वज्रु वज्रप्रोग
नमस्तुते

VAJRA-HĀSA, MAHĀ-HĀSA, VAJRA-SMITA, MAHĀ-DBHUTA, PRĪTI
PRAMODYA-RĀJA, VAJRA-DYA VAJRA-PRĪTE – NAMO STUTE.

9. Phộc nhật-la đạt la-ma, tổ tát đất-phộc la-tha, phộc nhật-la bát nại-ma, tổ
thú đạt ca, lộ kế thấp-phộc la, tổ phộc nhật-la khát-xoa, phộc nhật-la nịnh đất-la,
năng mô sa-đổ để.

वज्रधर्म सुसत्त्वार्थ वज्रपद्म सुमिदक [वज्रधर्म सुवज्रक वज्रव्य
नमस्तुते

VAJRA-DHARMA, SUSATVA-ARTHA, VAJRA-PADMA SUŚUDDHAKA,
LOKEŚVARA, SUVAJRĀKṢA, VAJRA-NETRE NAMO STUTE.

10. Phộc nhật-la để khát-xoa-noa, ma hạ dã năng, phộc nhật-la cú xả, ma hạ
dữu đà, mạn tổ thất-lý, phộc nhật-la nghiêm tị lý-dã, phộc nhật-la một để, năng
mô sa-đổ để.

वज्रगीकु मन्त्रयन वज्रकुसु मन्त्रयव मन्त्रणी वज्रगनीकु वज्रवृद्ध
नमस्तुते

VAJRA-TĪKṢNA, MAHĀ-YĀNA, VAJRA-KUŚA, MAHĀ-YUDHA, MAMJUŚRĪ,
VAJRA-GAMBHĪRYA, VAJRA-BUDDHE NAMO STUTE.

11. Phộc nhật-la hệ đồ, ma hạ mạn noa, phộc nhật-la tả yết-la, ma hạ năng
dã, tổ bát-la la đất-năng, phộc nhật-lổ đất tha, phộc nhật-la mạn noa, năng mô sa-
đổ để.

वज्रहेतु मन्त्रमण्डल वज्रवक्र मन्त्रय सुप्रवर्तन वज्रगण वज्रमण्डल
नमस्तुते

VAJRA-HETU, MAHĀ-MANḌALA, VAJRA-CAKRA, MAHĀ-NĀYA,
SUPRAVARTTANA, VAJROTATHĀ, VAJRA-MANḌALA NAMO STUTE.

12. Phộc nhật-la bà sái, tổ vĩ nễ-dã, nga-lý-dã, phộc nhật-la nhạ bá, tổ tát để
na, a phộc giả, phộc nhật-la vĩ nễ-dã nga-lý-dã, phộc nhật-la bà sái, năng mô sa-
đổ để.

वज्ररूप सुविद्युष्ट वज्ररूप सुमिदिक मन्त्र वज्रविद्युष्ट वज्ररूप
नमस्तुते

VAJRA-BHĀṢA, SUVIDYA-AGRYA, VAJRA-JAPA, SUSIDDHIDA AVĀCA,
VAJRA-VIDYA-AGRYA, VAJRA-BHĀṢA NAMO STUTE.

13. Phộc nhật-la yết ma, tổ phộc nhật-la, nhạ noa, yết ma phộc nhật-la, tát
phộc nga la, phộc nhật-la mô khur, ma hô na lý-dã, phộc nhật-la vĩ thấp-phộc, na
mô sa-đổ để.

वज्रकर्म सुवज्रज्ञ कर्मवज्र सङ्घेय वज्रमय मङ्गल्य वज्रवैश्व
नमस्तुते

VAJRA-KARMA, SUVAJRA-JÑA, KARMA-VAJRA, SARVĀGRA, VAJRA-AMOGHA, MAHĀ-UDARYA, VAJRA-VI ŚVA NAMO STUTE.

14. Phộc nhật-la, la khát-xoa, ma hạ phệ lý-dã, phộc nhật-la phộc ma, ma hạ niết lý-chà, nột dục đà năng, tổ vĩ lý-dã nga-lý-dã, phộc nhật-la vĩ lý-dã, năng mô sa-đồ đế.

वज्ररक्ष मङ्गल्यैः वज्रवर्म मङ्गल्यैः इत्ययं श्रीऽग्र्य वज्रवीज्य
नमस्तुते

VAJRA-RĀKṢA, MAHĀ-VAIRYAH, VAJRA-VARMA , MAHĀ-DRḌHA, DUYODHANA, SUVĪRYA AGRYA, VAJRA-VĪRYA NAMO STUTE.

15. Phộc nhật-la, dục khát-xoa, ma hộ bá dã, phộc nhật-la năng sắt-tra-la, ma hạ bà dã, ma la, bát-la ma lật-nễ, phộc nhật-lồ nga-lý-dã, phộc nhật-la tán noa, na mô sa-đồ đế.

वज्रयक्ष मङ्गलय वज्रदंष्ट्र मङ्गलय मरुचमरु वज्रय वज्रवृ
नमस्तुते

VAJRA-YAKṢA, MAHĀ-UPĀYA, VAJRA-DAMṢṬRA MAHĀ-BHAYA, MĀRA PRAMARDI, VAJRA-UGRA, VAJRA-CANḌA NAMO STUTE.

16. Phộc nhật-la tán đệ, tổ tát ninh địa-dã, phộc nhật-la măn đà, bát-la mô tả ca, phộc nhật-la mẩu sắt-tra dã, nga-la, tát ma diễm, phộc nhật-la mẩu sắt-tai, năng mô sa-đồ đế.

वज्रसंधि सुसनेद्य वज्रबन्ध चमरुक् वज्रमुष्टयश्च समयं वज्रमुष्ट
नमस्तुते

VAJRA-SAMḌHI, SUSANEDHYA, VAJRA-BANDHA, PRAMOCAKA, VAJRA-MUṢṬAYA AGRYA SAMAYAM, VAJRA-MUṢṬAI NAMO STUTE.

Tiếp kết bốn **Minh Ấn**
Ấn như **Giáng Tam Thế**
CÂU (Amkuśa): co Tiến độ (ngón trỏ phải) triệu



SÁCH (Pāśa): Tiến lực (hai ngón trỏ) như vòng



TOẢ (Śrīṅkhala): mở cổ tay, móc



LINH (Ghaṁṭa): hợp cổ tay, rung



Đều tụng Bản Chân Ngôn

Chân Ngôn là:

1_ Phộc nhật-la củ xả, nhược

𑖀𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉

VAJRA-AMKUŚA JAḤ

2_ Phộc nhật-la bá xả, hông

𑖀𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉𑖊

VAJRA-PĀŚA HŪḤ

3_ Phộc nhật-la, sa-phổ tra, tông

𑖀𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉𑖊𑖋

VAJRA-SPHOṬA VAḤ

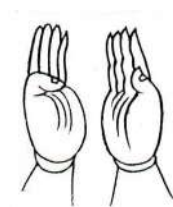
4_ Phộc nhật-la, phệ xả, A

𑖀𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉𑖊𑖋𑖌

VAJRA-AVIŚA AḤ

(Bản khác ghi là: 𑖀𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉𑖊𑖋𑖌: Vajra veśa Hoḥ)

Tiếp kết **Kim Cương Phách**



Khiến Thánh Chúng vui vẻ.

Chân Ngôn là:

“An, phộc nhật-la, đá la, đồ sử-dã, hộc”

𑖀𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒

OM – VAJRA-TĀRA TUŚYA HOḤ

Tiếp vào **Bình Đẳng Trí** (Samatā-jñāna)
Dâng nước thơm **Át Già** (Argha)



Tưởng tưởng thân các Thánh
Sẽ được **Địa Quán Đảnh** (Abhiṣeka-bhūmi)
Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la ná ca tra, hồng**”

ॐ वज्रुदाका त्था हूं

OM – VAJRA-UDAKA TṬHAḤ HŪM

“**Nặng mặc tam mãn đa một đà nam, nga nga nặng, sa ma, sa ma, sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम गगना समा असमा

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ GAGANA SAMA ASAMA _
SVĀHĀ

Tiếp kết **Chấn Linh Ấn**

Phải: chày, trái: rung chuông

Tâm vào tiếng giải thoát

Quán chiếu Lý Bát Nhã

Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la bá ni, hồng**”

ॐ वज्रपानि हूं

OM – VAJRA-PĀṆI HŪM

“**Án, phộc nhật-la kiến tra, đồ sắt-dã, hộc**”

ॐ वज्रघाम्ता तुष्य हः

OM – VAJRA-GHAMṬA TUṢYA HOḤ

KIM CƯƠNG ĐỈNH
NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG ĐẠI GIÁO VƯƠNG KINH
_ QUYỀN THƯỢNG (Hết) _